BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 3084 /BNN-HTQT	*Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án "Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO_2" do Chính phủ Đức tài trợ

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/04/2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BKH, ngày 09/01/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/04/2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;

Căn cứ Thông tư số 49/2009/TT-BNNPTNT ngày 04/8/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 367/QĐ-TTg ngày 12/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục Dự án do Chính phủ Đức tài trợ;

Xét Tờ trình số 639/TTr-DALN-KfW8 ngày 22/4/2014 của Ban Quản lý các dự án Lâm nghiệp về việc xin phê duyệt Dự án Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO_2 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Văn kiện dự án "Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO_2", gồm các nội dung chính sau:

1. Tên dự án: "Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO_2" (gọi tắt là KfW8).

2. Tên nhà tài trợ: Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức thông qua Ngân hàng Tái thiết Đức (KfW)

3. Cơ quan chủ quản dự án: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Chủ dự án:

4.1 Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp;

4.2 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh: Lào Cai, Lai Châu, Hà Giang, Yên Bái và Bắc Kạn.

5. Địa điểm thực hiện dự án: Tại các tỉnh: Yên Bái, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang và Bắc Kạn.

6. Thời gian thực hiện dự án: từ năm 2014 đến 2021.

7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của dự án

7.1 Mục tiêu dự án:

a) Mục tiêu dài hạn:

Tăng cường tính đa dạng sinh học trong các hệ sinh thái rừng và sự toàn vẹn của các hệ sinh thái cảnh quan ở vùng miền núi phía Bắc Việt Nam, đồng thời đóng góp vào sự thích ứng của khu vực đối với biến đổi khí hậu và hỗ trợ sinh kế của người dân địa phương.

b) Mục tiêu ngắn hạn:

- Đối với rừng đặc dụng:

Các giá trị về đa dạng sinh học (số lượng cá thể của các loài chỉ thị) và chất lượng của các hệ sinh thái rừng (trữ lượng gỗ và chất lượng tái sinh tự nhiên) tại các khu vực dự án hỗ trợ được cải thiện so với kết quả điều tra cơ bản thực hiện trước khi dự án tác động.

Các cộng đồng địa phương sẽ tham gia tích cực hơn nữa trong công tác bảo vệ và quản lý rừng đặc dụng, đồng thời cho thấy sự nâng cao nhận thức từ đó duy trì các hoạt động bảo vệ kể cả sau khi dự án kết thúc.

- Đối với rừng sản xuất và rừng phòng hộ:

Cải thiện năng lực quản lý rừng, chú trọng gia tăng giá trị đa dạng sinh học, dịch vụ hệ sinh thái rừng (bao gồm môi trường sống, bảo vệ tài nguyên đất và nước), hiệu quả kinh tế thông qua áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh.

7.2 Các kết quả dự kiến của Dự án:

a. Hợp phần 1: Bảo vệ đa dạng sinh học

- Báo cáo số liệu cơ bản về điều tra đa dạng sinh học làm cơ sở cải thiện hoạt động quản lý, giám sát bảo vệ rừng đặc dụng;

- Hoàn thành việc phân định đóng mốc ranh giới rừng đặc dụng và giao lại các nguồn tài nguyên rừng sản xuất cho dân địa phương làm cơ sở để bảo vệ và quản lý hiệu quả;

- Hỗ trợ thành lập Khu bảo tồn Bát Xát;

- Sự tham gia của người dân địa phương trong công tác bảo tồn, các giá trị đa dạng sinh học cho các khu bảo tồn được cải thiện so với trước khi thực hiện dự án;

- Hoàn thành quy hoạch sử dụng đất có sự tham gia của người dân và hỗ trợ cải thiện sinh kế cho 250 thôn.

b. Hợp phần 2: Thúc đẩy đa dạng sinh học

- Công tác quản lý 500 ha rừng Thông bằng các kỹ thuật khai thác chọn lọc giảm thiểu tác động và quản lý rừng gần với tự nhiên được hoàn thiện;

- Làm giàu 500 ha rừng Thông bằng biện pháp trồng bổ sung cây bản địa quý hiếm tại các diện tích có khả năng tái sinh tự nhiên yếu;

- Hỗ trợ quản lý bền vững 1.000 ha rừng Thông và quản lý lâm sinh phù hợp tại 5.000 ha rừng trồng Keo.

c. Hợp phần 3: Ngăn ngừa tổn thất đa dạng sinh học

- Hoàn thành quy hoạch sử dụng đất thôn bản có sự tham gia của người dân cho 80 thôn thuộc 23 xã;

- Hoàn thành việc giao 12.000 ha rừng tự nhiên là rừng sản xuất cho cộng đồng thôn/bản quản lý;

- Hoàn thành việc phân định, đóng mốc ranh giới rõ ràng trên thực địa cho rừng cộng đồng làm cơ sở để quản lý và bảo vệ hiệu quả;

- Hoàn thành việc xây dựng các quy ước bảo vệ và phát triển rừng; các kế hoạch quản lý rừng và các quỹ bảo vệ và phát triển rừng thôn/bản cho các thôn tham gia dự án;

- Hoàn thành việc xây dựng cơ chế/thỏa thuận chia sẻ lợi ích cho các thôn tham gia dự án.

8. Tổng vốn thực hiện dự án:

8.1 Tổng vốn thực hiện dự án: 26,07 triệu Euro, tương đương 723,99 tỷ đồng, tương đương 34,31 triệu USD, trong đó:

a) Vốn ODA của Chính phủ Đức: 20,5 triệu Euro, tương đương 569,39 tỷ đồng, tương đương 26,98 triệu USD, bao gồm:

- 15 triệu Euro vay ưu đãi, tương đương với 416,63 tỷ đồng, tương đương với 19,74 triệu USD.

- 5,5 triệu Euro viện trợ không hoàn lại, tương đương với 152,76 tỷ đồng, tương đương với 7,24 triệu USD.

b) Vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam dự kiến: 5,57 triệu Euro, tương đương với 154,6 tỷ đồng, tương đương 7,33 triệu USD, bao gồm:

- Vốn đối ứng cho Ban quản lý dự án Trung ương: 34,5 tỷ đồng, tương đương với 1,24 triệu Euro, tương đương với 1,64 triệu USD do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối, cấp phát trong kế hoạch vốn của Bộ hàng năm.

- Vốn đối ứng của các địa phương: 120,1 tỷ đồng, tương đương 4,33 triệu Euro, tương đương với 5,69 triệu USD do Ủy ban nhân dân các tỉnh Yên Bái, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang và Bắc Kạn cân đối, cấp phát từ nguồn ngân sách của địa phương hàng năm, bao gồm:

+ Tỉnh Hà Giang: 27,76 tỷ đồng, tương đương 1,32 triệu USD, tương đương 1,00 triệu Euro.

+ Tỉnh Lào Cai: 21,84 tỷ đồng, tương đương 1,03 triệu USD, tương đương 0,79 triệu Euro.

+ Tỉnh Yên Bái: 29,27 tỷ đồng, tương đương 1,39 triệu USD, tương đương 1.05 triệu Euro.

+ Tỉnh Lai Châu: 25,55 tỷ đồng, tương đương 1,21 triệu USD, tương đương 0,92 triệu Euro.

+ Tỉnh Bắc Kạn: 15,68 tỷ đồng, tương đương 0,74 triệu USD, tương đương 0,57 triệu Euro.

8.2 Tổng vốn dự án phân bổ cho các hợp phần/hạng mục của dự án:

Đơn vị tính: Euro

TT	Hợp phần/Hạng mục	Tổng vốn	Nguồn vốn		
			Vay ưu đãi	Viện trợ không hoàn lại	Đối ứng
1	Bảo vệ đa dạng sinh học tại tỉnh Hà Giang và Lào Cai	**7.288.212**	4.668.100	833.100	1.787.012
2	Thúc đẩy đa dạng sinh học tại tỉnh Yên Bái	**4.216.170**	2.999.317	162.300	1.054.553
3	Phòng ngừa tổn thất đa dạng sinh học tại tỉnh Lai Châu	**3.938.027**	1.143.000	1.874.500	920.527
4	Chi phí chưa phân bổ cho các hợp phần/hạng mục và tỉnh Bắc Kạn	**6.064.926**	5.000.000	500.000	564.926
5	Quản lý chung tại Ban quản lý dự án Trung ương	**1.611.982**	344.000	25.000	1.242.982
6	Dịch vụ tư vấn	**1.712.100**		1.712.100	
7	Dự phòng	**1.238.583**	845.583	393.000	
	Tổng cộng:	**26.070.000**	**15.000.000**	**5.500.000**	**5.570.000**

8.3 Tổng vốn dự án phân bổ theo đơn vị quản lý:

Đơn vị tính: Euro

TT	Đơn vị	Tổng vốn	Nguồn vốn			Tỷ lệ (%)
			Vay ưu đãi	Viện trợ không hoàn lại	Đối ứng	
1	Tỉnh Hà Giang	**4.252.760**	2.770.470	482.140	1.000.150	16,3
2	Tỉnh Lào Cai	**3.035.452**	1.897.630	350.960	786.862	11,6
3	Tỉnh Yên Bái	**4.216.170**	2.999.317	162.300	1.054.553	16,2
4	Tỉnh Lai Châu	**3.938.027**	1.143.000	1.874.500	920.527	15,1
5	Chi phí chưa phân bổ cho các hợp phần/hạng mục và tỉnh Bắc Kạn	**6.064.926**	5.000.000	500.000	564.926	23,3
6	Ban quản lý dự án Trung ương	**1.611.982**	344.000	25.000	1.242.982	6,2
7	Dịch vụ tư vấn	**1.712.100**		1.712.100		6,6
8	Dự phòng	**1.238.583**	845.583	393.000		4,8
	Tổng cộng:	**26.070.000**	**15.000.000**	**5.500.000**	**5.570.000**	**100**

9. Nguồn và cơ chế tài chính trong nước:

- Đối với vốn ODA: cấp phát 100% từ ngân sách theo quyết định số 367/QĐ-TTg ngày 12/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

- Vốn đối ứng bằng tiền mặt:

+ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp cho Ban quản lý dự án Trung ương trong kế hoạch vốn của Bộ hàng năm.

+ Ủy ban nhân dân các tỉnh Lào Cai, Lai Châu, Hà Giang, Yên Bái và Bắc Kạn cấp cho Ban quản lý dự án tỉnh từ nguồn ngân sách của địa phương theo kế hoạch hàng năm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Cơ quan chủ quản dự án, thành lập Ban chỉ đạo cấp Trung ương để giúp Bộ trưởng chỉ đạo, điều hành thực hiện dự án theo đúng Hiệp định đã ký với Nhà tài trợ và Văn kiện dự án đã được phê duyệt.

- Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp là Chủ dự án, chịu trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện dự án theo đúng Hiệp định đã ký với Nhà tài trợ và Văn kiện dự án đã được phê duyệt.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh thành lập Ban chỉ đạo dự án cấp tỉnh và Ban quản lý dự án các cấp để giúp UBND tỉnh chỉ đạo, điều hành, quản lý và tổ chức thực hiện dự án tại tỉnh.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh là Chủ dự án cấp tỉnh, chịu trách nhiệm quản lý và trực tiếp chỉ đạo Ban quản lý dự án các cấp tổ chức thực hiện dự án tại tỉnh.

Điều 3: Giao Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp chủ trì, phối hợp với các tỉnh có dự án, các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện có hiệu quả những nội dung quy định tại Điều 1 của Quyết định này và nội dung của tài liệu Văn kiện dự án được phê duyệt theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và các cam kết với nhà tài trợ.

Giao Ban Quản lý các dự án Lâm nghiệp phối hợp với Nhà tài trợ sớm triển khai thực hiện dự án tại tỉnh Bắc Kạn, đảm bảo đồng bộ với các tỉnh khác trong dự án.

Giao Ban Quản lý các dự án Lâm nghiệp làm việc với Nhà tài trợ về việc sử dụng vốn không hoàn lại để mua xe ô tô phục vụ cho dự án theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Điều 3 Quyết định số 367/QĐ-TTg ngày 12/3/2014 về việc phê duyệt danh mục Dự án do Chính phủ Đức tài trợ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Hợp tác quốc tế, Kế hoạch, Tài chính, Tổ chức cán bộ; Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp; Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình; Trưởng ban Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh: Lào Cai, Lai Châu, Hà Giang, Yên Bái, Bắc Kạn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Ngoại giao;
- Sở NN&PTNT các tỉnh: Lào Cai, Lai Châu, Hà Giang, Yên Bái và Bắc Kạn;
- Lưu: VT, HTQT (PNM-40).

BỘ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Cao Đức Phát